ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1345/QĐ-UBND	*Vĩnh Long, ngày 28 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án cho vay giải quyết việc làm đối với người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2025-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc sửa đổi bổ sung Điều 10 Chương II Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 76/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi thực hiện một số hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-SNN&MT ngày 19 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án cho vay giải quyết việc làm đối với người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2025-2030.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- TGĐ NHCSXH Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh và các TC CT-XH tỉnh;
- LĐ. VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, 39.TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyên Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Cho vay giải quyết việc làm đối với người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2025-2030

(Kèm theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 28/ 6/2025 của UBND tỉnh)

Phần 1
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu (CTMT) quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 1424/QĐ-UBND, ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Từ năm 2021 đến nay, toàn Tỉnh đã có 6.424 hộ thoát nghèo, bình quân mỗi năm có 1.606 hộ thoát nghèo. Để góp phần thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã triển khai thực hiện giải ngân cho vay từ nguồn vốn trung ương cho 23.327 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo với số tiền là 1.131.159 triệu đồng (trong đó, hộ nghèo 2.081 hộ/118.489 triệu đồng, hộ cận nghèo 8.335 hộ/464.526 triệu đồng, hộ mới thoát nghèo 12.911 hộ/548.144 triệu đồng) góp phần cùng địa phương giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 2,06% (năm 2022) xuống còn 0,49% (năm 2024).

Đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 10.289 hộ có mức sống trung bình chiếm 3,44%/tổng số hộ dân, trong đó, có 2.520 hộ có dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền trên 92 tỷ đồng[1], các hộ này trước đây đã được vay từ các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội và nay không thuộc đối tượng được vay vốn từ các chương trình này.

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Phần lớn những hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hoặc không có đất sản xuất, việc làm không ổn định, sống chủ yếu ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có những hạn chế nhất định về trình độ học vấn, từ đó dẫn đến khó có khả năng thoát nghèo hoặc có nguy cơ tái nghèo khi gặp các rủi ro, biến cố trong cuộc sống. Trong công tác giảm nghèo, sự nỗ lực vươn lên của mỗi cá nhân đóng vai trò rất quan trọng, tác động chính lên chất lượng cuộc sống của mỗi gia đình, vì vậy hàng năm các ban, ngành, địa phương luôn chú trọng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo, tuy nhiên vẫn còn một số hộ có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho không của Nhà nước và cộng đồng xã hội.

Theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, ngày 16/7/2021 của Thủ trường Chính phủ có quy định chuẩn hộ gia đình có mức sống trung bình. Tuy nhiên qua rà soát các văn bản quy định chính sách hỗ trợ thì nhóm hộ này chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tín dụng của Nhà nước (hiện nay Trung ương chỉ quy định hỗ trợ vay vốn cho học sinh, sinh

[1] Số liệu rà soát danh sách hộ có mức sống trung bình còn dư nợ tại NHCSXH tỉnh.

viên thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình chuẩn Trung ương). Do vậy, một bộ phận hộ gia đình thuộc nhóm này có nguy cơ rơi vào nghèo, cận nghèo khi gặp khó khăn trong cuộc sống do việc làm bấp bênh, thiếu vốn làm ăn, thiếu phương tiện sản xuất kinh doanh, nếu không được hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi các hộ có mức sống trung bình phải tiếp cận các nguồn vốn với lãi suất cao để sản xuất kinh doanh từ các ngân hàng thương mại hoặc từ tín dụng đen nên sẽ càng khó khăn hơn.

Nhằm tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực hiện có, bố trí bổ sung nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững đối với hộ có mức sống trung bình được vay vốn sản xuất, kinh doanh, tạo thu nhập, ổn định cuộc sống; để giải quyết cho đối tượng yếu thế chưa được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của nhà nước; làm cơ sở quan trọng để tỉnh kết hợp giữa kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững của tỉnh, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đảng các cấp. Việc ban hành Đề án cho vay giải quyết việc làm đối với người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2025-2030 là cần thiết.

III. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới;

Nghị quyết số 111/2024/QH15, ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;

Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Quyết định số 90/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 05/QĐ-TTg, ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng chính sách xã hội đến năm 2030;

Thông tư số 11/2017/TT-BTC, ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Chương trình số 18-CTr/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Vĩnh Long thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI về thực hiện giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025;

Thông báo số 194-TB/TU, ngày 16/7/2024 của Tỉnh ủy Vĩnh Long thông báo ý kiến kết luận của Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;

Kế hoạch số 355-KH/TU, ngày 03/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới;

Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND, ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND, ngày 18/02/2022 về sửa đổi bổ sung Điều 10 Chương II Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

Quyết định số 1424/QĐ-UBND, ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Quyết định số 76/2025/QĐ-UBND, ngày 12/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi thực hiện một số hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Phần 2
MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thông qua quy định chính sách tín dụng đối với người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình trên địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm tạo điều kiện cho các hộ này được tiếp cận nguồn vốn vay để chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế hộ gia đình giải quyết được nhiều lao động nhàn rỗi nâng cao chất lượng sống của người dân; hạn chế tình trạng phát sinh hộ nghèo góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh và thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của tỉnh. Đặc biệt, quy định chính sách tín dụng, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách phù hợp thực tiễn.

Giúp cho người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình trên địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia có việc làm, tăng thu nhập, có điều kiện tiếp cận và thụ hưởng các nhu cầu dịch vụ cơ bản của xã hội, cải thiện đời sống, kinh tế gia đình, thoát nghèo bền vững, góp phần xây dựng địa phương ngày càng giàu đẹp, vững mạnh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã, phường, thị trấn; góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, giữa người nghèo và cộng đồng dân cư. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, thúc đẩy nhanh kết quả hoàn thành các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Bình quân mỗi năm giải quyết cho khoảng 1.200-1.500 người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình được vay vốn để sản xuất kinh doanh, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng đô thị văn minh, nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

Đề án cho vay nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình thực

hiện công tác giảm nghèo của tỉnh; không chồng chéo với các chính sách từ chương trình khác có liên quan và trên khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, giảm các chính sách cho không, khuyến khích phát huy sự tích cực, nỗ lực vươn lên của hộ có mức sống trung bình tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận chính sách cho vay vốn để phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống và chống tái nghèo.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Đề án được thực hiện trên phạm vi địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Thời gian thực hiện: giai đoạn 2025-2030.

III. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM THEO ĐỀ ÁN

1. Đối tượng: người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia, có tên trên danh sách được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt theo quy định, ưu tiên cho vay đối với các đối tượng không có đất sản xuất, buôn bán nhỏ ... để phát triển kinh tế gia đình.

2. Mục đích sử dụng vốn vay

Người vay trực tiếp thực hiện hoặc góp vốn để hợp tác thực hiện một số phương án sau đây: chăn nuôi[2], trồng trọt[3], phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế; duy trì mở rộng phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm[4]; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống[5]; phát triển du lịch nông thôn[6]; Phát triển kinh tế vườn, các sản phẩm dịch vụ phục vụ nông nghiệp, buôn bán nhỏ lẻ ....

4. Mức vay

Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn, mức vay tối đa là 100 triệu đồng/01 người.

5. Thời hạn vay vốn

Tối đa 120 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

6. Nguyên tắc, điều kiện vay vốn

a) Nguyên tắc cho vay:

- Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ vay đúng hạn cả gốc và lãi.

---

[2] Quyết định số 985/QĐ-UBND, ngày 24/5/2022 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

[3]Quyết định số 1607/QĐ-UBND, ngày 10/7/2023 về việc ban hành Kế hoạch sản xuất cây trồng chủ lực và tiềm năng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

[4]Quyết định số 2278/QĐ-UBND, ngày 07/11/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

[5]Làng nghề làm dưa cải (Bình Tân), Làng nghề tàu hủ ky (Bình Minh), Làng nghề bánh tráng cù lao Mây (Trà Ôn); Làng hoa mai Phước Định, Làng nghề chằm nón lá (Long Hồ), Bánh tráng giấy Tường Lộc (Tam Bình)...

[6]Quyết định số 2278/QĐ-UBND, ngày 07/11/2022 về việc ban hành Kế hoạch Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Trực tiếp thực hiện hoặc góp vốn để hợp tác thực hiện sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm; duy trì mở rộng sản xuất.

b) Điều kiện vay vốn:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay.

- Có phương án vay vốn khả thi; có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định nơi thực hiện phương án.

7. Lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn; Điều kiện đảm bảo tiền vay; Phương thức cho vay và thẩm quyền phê duyệt hồ sơ cho vay; Quy trình, thủ tục cho vay, thu nợ, thu lãi, hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn, kiểm tra giám sát, xử lý nợ đến hạn, xử lý các vi phạm, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

Thực hiện theo hướng dẫn hiện hành về nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tại thời điểm cho vay.

8. Quản lý, sử dụng vốn vay, lãi cho vay và xử lý nợ rủi ro:

Thực hiện theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc sửa đổi, bổ sung Điều 10 Chương II của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

Tổng kinh phí đảm bảo để thực hiện hỗ trợ cho chính sách nêu trên trong giai đoạn 2025-2030 là 600 tỷ đồng (bao gồm nguồn vốn trung ương và địa phương), bình quân 100 tỷ đồng/năm (tương đương với 1.200-1.500 người lao động được vay vốn với mức vay bình quân khoảng 70 triệu đồng/người).

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn vốn từ Trung ương (NHCSXH): 50 tỷ đồng/năm.

- Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 50 tỷ đồng/năm. Theo khả năng cân đối từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (không bao gồm các đề án đã được phê duyệt).

Kết thúc thời gian vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thu hồi vốn chuyển sang tiếp tục cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động trên địa bàn theo Quy trình hướng dẫn cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án; phối hợp các ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu các chính sách và các chương trình, giải pháp liên quan đến công tác giải quyết việc làm và giảm nghèo để lồng ghép thực hiện Đề án.

Theo dõi tình hình triển khai, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình

triển khai thực hiện Đề án để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh; định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện của Đề án.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 về ủy thác vốn của ngân sách địa phương qua hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội.

Phối hợp, hỗ trợ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng, lồng ghép kinh phí thực hiện từ các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan để thực hiện Đề án.

3. Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

Triển khai cho vay đối với hộ có mức sống trung bình theo đúng quy định.

Tham mưu bố trí nguồn vốn đối ứng từ Trung ương để thực hiện các chương trình tín dụng; tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng tiếp cận nguồn vốn vay để giảm nghèo bền vững theo mục tiêu và nội dung của Đề án.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu các chính sách và các chương trình, giải pháp liên quan đến công tác giải quyết việc làm cho người lao động để lồng ghép thực hiện Đề án.

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành liên quan tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với các đối tượng quy định tại Quyết định này.

5. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo các đoàn thể

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên tham gia học nghề, tư vấn chọn nghề, việc làm, vay vốn, định hướng và tham gia giám sát quá trình thực hiện các chính sách về giải quyết việc làm, giảm nghèo ở địa phương.

Tiếp tục tổ chức phát động các phong trào thiết thực giúp đỡ, hỗ trợ hộ có mức sống trung bình, nhất là các hộ là đoàn viên, hội viên tham gia sinh hoạt trong các hội, đoàn thể; hỗ trợ vận động nguồn lực cho công tác giảm nghèo ở địa phương.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Rà soát thống kê ban hành quyết định và danh sách hộ có mức sống trung bình theo quy định để cung cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh làm cơ sở cho vay. Chịu trách nhiệm xác nhận về đối tượng trên hồ sơ vay vốn.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại địa phương để cụ thể hóa nội dung của Đề án và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả thực hiện của Đề án.

Chỉ đạo việc phối hợp, lồng ghép với các chương trình, chính sách liên quan đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, phát huy hiệu quả của Đề án tại địa phương.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ngành, đoàn thể huy động

các nguồn lực thực hiện chính sách, hoạt động giải quyết việc làm và giảm nghèo tại địa phương.

Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ.

7. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ hàng năm (trước ngày 01/12) các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường theo nhiệm vụ phân công, báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp) hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu./.